Cơ quan: Sở Xây dựng, Thành phố Hồ Chí Minh
Email: sxd@tphcm.gov.vn
Thời gian ký: 17.03.2021 09:40:29 - 07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2927 /SXD-PTN&TTBĐS V/v phối hợp điều tra khảo sát, cung cấp số liệu phục vụ xây dựng Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2030	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2021*

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
ĐẾN Số: 2042
Ngày: 18/3/21
Chuyển: C. Nga - PET
Số và ký hiệu HS: P. QLĐT

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 21 quận, huyện;
- Sở Nội vụ;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tư pháp;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Quy hoạch – Kiến trúc;
- Sở Tài chính;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Du lịch;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Y tế;
- Sở Công thương;.
- Cục Thống kê thành phố;
- Quỹ Phát triển nhà ở;
- Quỹ Phát triển đất thành phố;
- Viện Nghiên cứu phát triển thành phố;
- Công an Thành phố;
- Bộ Tư lệnh Thành phố;
- Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp thành phố.

Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Luật Nhà ở số 65/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Công văn số 2160/UBND-ĐT ngày 11/6/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt đề cương Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030;

Triển khai thực hiện Quyết định số 4835/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch nghiên cứu xây dựng Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2030, trong đó *giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, cơ quan, Sở, ngành và các đơn vị liên quan khảo sát thu thập số liệu phục vụ việc xây dựng Chương trình.*

Để xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng Chương trình phát triển nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030 theo đề cương đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 21 quận, huyện, các Sở, ban, ngành và đơn vị liên quan cung cấp một số nội dung, cụ thể như sau:

1. Đối với các Sở, ban, ngành: cung cấp thông tin theo các biểu số liệu tại Phụ lục 1;

2. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và 21 quận, huyện:

- Cung cấp thông tin theo các biểu số liệu tại Phụ lục 2;
- Báo cáo về thực trạng nhà ở theo Phụ lục 3.

(*Đính kèm 03 Phụ lục và các biểu mẫu*)

Sở Xây dựng đề nghị các đơn vị giao cho bộ phận chuyên trách chủ trì, tham mưu để thực hiện rà soát và thống kê nội dung các phụ lục đính kèm và hoàn chỉnh gửi về Sở Xây dựng **trước ngày 31/3/2021**; đồng thời, hỗ trợ gửi file mềm về địa chỉ email: nkoanh.sxd@tphcm.gov.vn.

Nội dung biểu mẫu đính kèm, các đơn vị có thể tải về tại địa chỉ: *https://drive.google.com/file/d/1Sq-YmBINHds7WelSkghrY-vNcInw_azU/view?usp=sharing*. Mọi thông tin vui lòng liên hệ bà Nguyễn Kiều Oanh – Phòng Phát triển nhà và thị trường bất động sản, số điện thoại: 0902.601.288./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBNDTP (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Lưu VT, PTN&TTBĐS.

(Đính kèm các biểu mẫu)
KO\CV21(20)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Huỳnh Thanh Khiết

Phụ lục 1: DANH MỤC CUNG CẤP SỐ LIỆU THEO SỞ, BAN, NGÀNH

(Đính kèm Công văn số ....2927/SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Tên cơ quan, địa phương	Bảng biểu báo cáo	Ghi chú
1	Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn	01, 08	Tổng hợp theo từng quận, huyện
2	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	02, 03, 08	Tổng hợp theo từng quận, huyện
3	Ban Quản lý các KCX&CN thành phố	04A, 04B, 08	Tổng hợp các KCN
4	Sở Nội vụ	05, 08	Tổng hợp số liệu toàn thành phố
5	Công an thành phố	06, 08	Tổng hợp theo ngành dọc
6	Bộ Tư lệnh thành phố	06, 08	Tổng hợp theo ngành dọc
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	07, 08	Tổng hợp các trường
8	Các Sở, ngành và đơn vị còn lại	08	Tổng hợp tại đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN TPHCM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Biểu số 01

HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở CHO HỘ GIA ĐÌNH THƯỜNG XUYÊN BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (*)

(Đính kèm Công văn số ....2927/SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng (tính đến tháng 12/2020) (hộ)			Dự báo số hộ có nhu cầu về nhà ở (hộ)	
		Tổng số hộ trong vùng thường xảy ra thiên tai	Số hộ cần di dời	Số hộ có nhu cầu về nhà ở nếu phải di dời	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026-2030
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1						
2						
Tổng cộng						

....., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(*) Bao gồm cả các hộ gia đình có nhà ở trên và ven sông, kênh rạch cần di dời nhà ở

UBND THÀNH PHỐ……

SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH & XÃ HỘI

Biểu số 02

HIỆN TRẠNG NHU CẦU NHÀ Ở NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

(Đính kèm Công văn số …2927…/SXD-PTN&TTBĐS ngày17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

TT	Đơn vị hành chính (cấp huyện)	Tổng số hộ người có công	Nhu cầu hỗ trợ về nhà ở tại thời điểm 31/12/2020			Dự báo nhu cầu hỗ trợ về nhà ở (hộ)		Ghi chú
			Xây mới	Sửa chữa	Tổng số	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
Tổng số								

……, ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ.....
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH & XÃ HỘI

Biểu số 03

HIỆN TRẠNG NHÀ Ở HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO (tính đến tháng 12/2020)

(Đính kèm Công văn số ...2927.../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

TT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Hộ nghèo (hộ)				Hộ cận nghèo (hộ)			
		Tổng số hộ nghèo	Nhu cầu hỗ trợ nhà ở dự kiến			Tổng số hộ cận nghèo	Nhu cầu hỗ trợ nhà ở dự kiến		
			Tại thời điểm 31/12/2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030		Tại thời điểm 31/12/2020	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
	Tổng cộng								

....., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
Cột (2): Ghi tên đơn vị hành chính cấp huyện

Cột (3), (7): Ghi tổng số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg), bao gồm:
1. Các tiêu chí về thu nhập
a) Chuẩn nghèo: 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.
b) Chuẩn cận nghèo: 1.000.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 1.300.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị.
2. Tiêu chí mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm 05 dịch vụ xã hội cơ bản (05 dịch vụ) và 10 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản
(Chi tiết xem tại Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020)

Cột (4), (5), (6), (8), (9) (10): Ghi tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ nhà ở, bao gồm: hộ nghèo, cận nghèo chưa có nhà ở hoặc có nhà ở nhưng thiếu hụt tiêu chí về chất lượng nhà ở (nhà ở thiếu kiên cố, tạm bợ, dột nát), diện tích nhà ở dưới 25 m2

UBND THÀNH PHỐ.....

Biểu số 04A

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN

DỰ ÁN NHÀ Ở CÔNG NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (Tính đến tháng 12/2020)

(Đính kèm Công văn số ...2927.../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Dự án nhà ở công nhân đã và đang triển khai	Tên khu công nghiệp	Diện tích sàn (m2 sàn)	Số căn	Số người đáp ứng	Số công nhân đang ở	Năm xây dựng nhà ở	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							Ghi chú dự án đã xuống cấp cần cải tạo, sửa chữa
2	Dự án đang triển khai							
Tổng cộng								

Người tổng hợp báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

....., ngày tháng năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ……

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN

Biểu số 04B

HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở CÔNG NHÂN TRONG CÁC KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHIỆP (TÍNH ĐẾN THÁNG 12/2020)

(Đính kèm Công văn số ..2927…/SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Tên khu công nghiệp, khu chế xuất và cụm công nghiệp	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hiện trạng			Nhu cầu nhà ở dự kiến	
			Tổng số công nhân	Tổng số công nhân đã có chỗ ở (người)	Tổng số công nhân phải thuê trọ, ở nhờ nhà người thân (người)	Giai đoạn 2021-2025 (người)	Giai đoạn 2026-2030 (người)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
Tổng cộng							

……, ngày ….tháng …. năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ.....
SỞ NỘI VỤ

Biểu số 05

HIỆN TRẠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (*) ĐẾN THÁNG 12/2020

(Đính kèm Công văn số ..2927../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Đơn vị	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (người)	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức phân loại theo độ tuổi (người)				Dự báo số lượng cán bộ, công chức, viên chức tuyển dụng mới	
			Dưới 30 tuổi	Từ 30-40 tuổi	Từ 40-50 tuổi	Từ 50-60 tuổi	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026-2030
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(4)*	*(5)*
1	Các Sở, Ban, Ngành							
	Phân theo đơn vị hành chính cấp huyện (liệt kê từng đơn vị cấp huyện)							
2	Các cơ quan Đảng							
	Phân theo đơn vị hành chính cấp huyện (liệt kê từng đơn vị cấp huyện)							
3	UBND cấp huyện các đơn vị trực thuộc UBND huyện (liệt kê từng đơn vị cấp huyện)							
	Phân theo đơn vị hành chính cấp huyện (liệt kê từng đơn vị cấp huyện)							
Tổng cộng								

....., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(*) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức viên chức do đơn vị quản lý
Sở Nội vụ cung cấp số liệu theo Bảng biểu này hoặc cung cấp tài liệu có các nội dung liên quan đến số liệu trong bảng này

UBND THÀNH PHỐ.....

CÔNG AN THÀNH PHỐ/BỘ TƯ LỆNH THÀNH PHỐ

Biểu số 06

HIỆN TRẠNG NHU CẦU NHÀ Ở CỦA CÁN BỘ, CHIẾN SỸ THUỘC CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG (*)

(Đính kèm Công văn số ...2927../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

TT	Đơn vị hành chính	Số lượng cán bộ chiến sỹ hiện đang bố trí ở tại đơn vị (người)	Số lượng cán bộ chiến sỹ có nhu cầu về nhà ở đến tháng 12/2020 (người)	Dự báo số lượng cán bộ, chiến sỹ cần được bố trí nhà ở (người)	
				Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*

....., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Bộ chỉ huy Quân sự thành phố và Công an thành phố tổng hợp số liệu gồm:
+ Số lượng cán bộ, chiến sỹ thuộc Bộ chỉ huy Quân sự thành phố và các đơn vị cơ sở trực thuộc
+ Số lượng cán bộ, chiến sỹ thuộc Công an thành phố và các đơn vị trực thuộc

UBND THÀNH PHỐ.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu số 07

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ (THÁNG 12/2020)*

(Đính kèm Công văn số ... 2927./SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

TT	Tên trường	Địa chỉ	Tổng số học sinh (người)	Hiện trạng KTX		Số học sinh đang thuê trọ hoặc ở nhờ tại nhà người thân (người)	Dự kiến số học sinh có nhu cầu được bố trí chỗ ở (người)		Ghi chú
				Tổng diện tích KTX hiện có (m2 sàn)	Số lượng học sinh đang ở trong KTX (người)		Đến năm 2025	Giai đoạn 2026-2030	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
	Tổng cộng								

....., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

(*) Bao gồm nhà ở học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú

SỞ/BAN/NGÀNH....

Biểu số 08

TỔNG HỢP NHU CẦU NHÀ Ở XÃ HỘI VÀ KHẢ NĂNG CHI TRẢ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (CB, CV, VC) TRỰC THUỘC ĐƠN VỊ

(Đính kèm Công văn số ...2927../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

Stt	Số lượng CB, CC, VC của đơn vị (*) (người)	Số lượng CB, CC, VC đủ điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở xã hội (**)						
		Tổng cộng (người)	Số lượng CB, CC, VC có nhu cầu mua nhà ở xã hội (người)	Khả năng chi trả hàng tháng cho nhà ở của CB, CC, VC đủ điều kiện và có nhu cầu mua nhà ở xã hội (***)				
				Dưới 3 triệu đồng	Từ 3 đến 5 triệu đồng	Từ 5 đến 7 triệu đồng	Từ 7 đến 9 triệu đồng	Trên 9 triệu đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

(*) Cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC, VC) theo quy định của pháp luật; bao gồm cả các đơn vị trực thuộc của đơn vị.

(**) *Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở xã hội* bao gồm: Đối tượng cán bộ, công chức ,viên chức có thu nhập thấp (không phải đóng thuế thu nhập cá nhân) và có khó khăn về nhà ở (chưa có nhà ở, đang phải đi thuê nhà, mượn nhà hay ở nhờ nhà của người khác hoặc có nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình nhưng nhà ở chật chội, diện tích bình quân của hộ gia đình dưới 10m2/sàn/người,...). Chi tiết được quy định tại Điều 51 của Luật nhà ở 2014.

(***) *Khả năng chi trả hàng tháng cho nhà ở* là số tiền của CB, CC, VC sẵn sàng chi trả cho việc tích lũy (tiết kiệm) hoặc các chi phí liên quan đến nhà ở mua nhà hoặc thuê nhà ở hàng tháng, không bao gồm khả năng huy động như vay, mượn, cầm cố, thế chấp, ...

Hướng dẫn điền thông tin:

Tổ chức thực hiện: Sở Xây dựng có có 14 đơn vị phòng, và 2 trung tâm. Sở Xây dựng sẽ gửi biểu tổng hợp cho 14 phòng và 2 trung tâm để tổng hợp nhu cầu nhà ở. Mỗi phòng ban sẽ hỏi ý kiến các CB, CC, VC thuộc phòng để tổng hợp rồi gửi về Văn phòng Sở. Văn phòng tiến hành tổng hợp toàn bộ báo cáo của các phòng và Tổng cộng số liệu để hoàn tất báo cáo.

Ví dụ điền số liệu: Ví dụ phòng A thuộc Sở có 10 thành viên

- Trong 10 thành viên của phòng chỉ có 6 thành viên đủ điều kiện hưởng chính sách về nhà ở xã hội. Cột số (3) sẽ điền 6 người;
- Trong 6 thành viên đủ điều kiện mua nhà ở xã hội, chỉ có 5 người muốn mua nhà ở xã hội, cột số (4) điền 5 người;
- Cột (5), (6), (7), (8), (9) chỉ dành cho các CB, CC, VC muốn mua nhà. Như vậy chỉ hỏi khả năng chi trả đối với 5 thành viên muốn mua NOXH của Phòng A;
- Trong 5 thành viên muốn mua NOXH, có 1 thành viên chi trả được trên 9 triệu đồng, 3 thành viên chi trả từ 5 – 7 tỷ đồng, 1 thành viên chi trả dưới 3 triệu đồng. Như vậy cột số (5) điền 1 người, cột (7) điền 3 người, cột (9) điền 1 người.

Phụ lục 2: DANH MỤC CUNG CẤP SỐ LIỆU CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN 21 QUẬN, HUYỆN VÀ THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

(Đính kèm Công văn số ...2927.../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Nội dung biểu mẫu
1a	Hiện trạng chất lượng nhà ở riêng lẻ
1b	Hiện trạng nhà ở chung cư đã hoàn thành đưa vào sử dụng
2	Hiện trạng nhà trọ do người dân tự xây dựng
3	Hiện trạng và dự kiến các dự án phát triển nhà ở
4	Hiện trạng và nhu cầu nhà ở cán bộ, công chức, viên chức
5	Hiện trạng và nhu cầu nhà ở cho hộ gia đình thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu
6	Nhu cầu nhà ở xã hội và khả năng chi trả của CBCCVC trực thuộc đơn vị

UBND HUYỆN/QUẬN...

Biểu số 01a

HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG NHÀ Ở RIÊNG LẺ (tính đến tháng 12/2020)

STT	Đơn vị hành chính (*)	Tổng diện tích nhà ở riêng lẻ (m2 sàn)	Số căn nhà ở riêng lẻ (căn)	Chất lượng nhà ở (**)				Ghi chú
				Kiên cố và bán kiên cố (i)		Nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ (ii)		
				Diện tích (m2 sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m2 sàn)	Số căn (căn)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(9)*	*(10)*	*(13)*
1	Khu vực đô thị							
2	Khu vực nông thôn							

……, ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*)Khu vực đô thị bao gồm thị trấn hoặc các phường; Khu vực nông thôn bao gồm các xã;

(**): Chất lượng nhà ở:

(i) - Nhà kiên cố là nhà có cả 3 kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc;

- Nhà bán kiên cố là nhà có hai trong ba kết cấu chính được làm bằng vật liệu bền chắc;

(ii) - Nhà thiếu kiên cố là nhà có một trong ba kết cấu chính được làm bằng vật liệu bền chắc;

- Nhà đơn sơ là nhà có cả ba kết cấu chính đều được làm bằng vật liệu không bền chắc.

UBND QUẬN/HUYỆN

Biểu số 01b

HIỆN TRẠNG NHÀ Ở CHUNG CƯ ĐÃ HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG (*)
(tính đến tháng 12/2020)

(Đính kèm Công văn số ....2927../SXD-PTN&TTBĐS ngày17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích nhà chung cư (m2 sàn)	Số lượng căn hộ (căn)	Năm hoàn thành
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
1	Khu vực đô thị			
	(liệt kê các dự án nhà ở chung cư đã hoàn thành)			
2	Khu vực nông thôn			
	(liệt kê các dự án nhà ở chung cư đã hoàn thành)			
Tổng cộng				

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

....., ngày tháng năm 2021
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Nhà ở chung cư là nhà có từ 2 tầng trở lên, có nhiều căn hộ, có lối đi, cầu thang chung, có phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, bao gồm nhà chung cư để ở và nhà chung cư sử dụng hỗn hợp

UBND QUẬN/HUYỆN

Biểu số 02

HIỆN TRẠNG NHÀ Ở TRỌ DO NGƯỜI DÂN XÂY DỰNG
(tính đến tháng 12/2020)

(Đính kèm Công văn số ……2927……/SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Nội dung	Hiện trạng nhà trọ do người dân xây dựng			
		Số phòng trọ	Diện tích sàn (m2)	Số người đang thuê trọ	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Nhà trọ cho học sinh, sinh viên				
Tổng cộng					

……., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

UBND QUẬN/HUYỆN...

Biểu số 03

HIỆN TRẠNG VÀ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở

(Đính kèm Công văn số 2927/SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Vị trí khu vực phát triển nhà ở theo từng loại hình	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô							Tiến độ dự án đến nay							Năm dự kiến hoàn thành (đối với dự án đang triển khai)	Ghi chú
				Tổng diện tích đất (ha)	Lô nền		Nhà ở riêng		Nhà chung cư		Lô nền		Nhà ở riêng lẻ		Nhà chung cư		Tiến độ xây dựng hạ tầng kĩ thuật (%)		
					Số lô nền	Diện tích sàn (m^2)	Số căn	Diện tích sàn (m^2)	Số căn	Diện tích sàn (m^2)	Số lô nền	Diện tích sàn (m^2)	Số căn	Diện tích sàn (m^2)	Số căn	Diện tích sàn (m^2)			
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*	*(14)*	*(15)*	*(16)*	*(17)*	*(18)*	*(19)*	*(20)*
I	**Nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư**																		
1	***Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng*** *(từ năm 2016 đến nay)*																		
2	***Dự án đang triển khai thực hiện*** *(dự án đã được chấp thuận đầu tư)*																		
3	***Các vị trí kêu gọi đầu tư dự án nhà ở ****																		
a	*Đến năm 2025*																		
b	*Giai đoạn 2026-2030*																		
II	**Nhà ở xã hội ****																		
1	***Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng*** *(từ năm 2016 đến nay)*																		
2	***Dự án đang triển khai thực hiện*** *(dự án đã được chấp thuận đầu tư)*																		
3	***Các vị trí kêu gọi đầu tư dự án nhà ở ****																		
a	*Đến năm 2025*																		
b	*Giai đoạn 2026-2030*																		
III	**Dự án tái định cư sử dụng nguồn vốn ngân sách**																		
1	***Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng*** *(từ năm 2016 đến nay)*																		
2	***Dự án đang triển khai thực hiện*** *(dự án đã được chấp thuận đầu tư)*																		
3	***Các vị trí dự kiến****																		
a	*Đến năm 2025*																		
b	*Giai đoạn 2026-2030*																		

....., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Các vị trí dự kiến kêu gọi chỉ cần điền thông tin tại cột (2), (4), (5); các vị trí dự kiến đầu tư dự án nhà ở phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch chung được phê duyệt

(**) Nhà ở xã hội: Bao gồm các dự án nhà ở cho công nhân, sinh viên, người thu nhập thấp khu vực đô thị

UBND QUẬN/HUYỆN

Biểu số 04

HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (*)

(Đính kèm Công văn số ...2927.../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Tổng số CB, CC, VC (tính đến tháng 12/2020) (người)	Dự báo số lượng cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu nhà ở	Dự báo số lượng cán bộ, công chức, viên chức tuyển dụng mới	
			Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026-2030
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
Tổng cộng				

……, ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức viên chức do đơn vị quản lý (bao gồm cả đơn vị cấp xã).

(**) Đối tượng có nhu cầu về nhà ở xã hội là người có khó khăn về nhà ở (chưa có nhà ở; có nhà ở nhưng hư hỏng dột nát hoặc diện tích nhà ở dưới 25 m2).

(4) (5) dự báo số lượng cán bộ, công chức, viên chức tuyển dụng mới của từng giai đoạn

UBND QUẬN/HUYỆN

Biểu số 05

HIỆN TRẠNG VÀ NHU CẦU NHÀ Ở CHO HỘ GIA ĐÌNH THƯỜNG XUYÊN BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (*)

(Đính kèm Công văn số ...2927./SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng (tính đến tháng 12/2020)			Dự báo số hộ gia đình có nhu cầu hỗ trợ	
		Tổng số hộ trong vùng hay xảy ra thiên tai	Số hộ cần di dời	Số hộ có nhu cầu về nhà ở nếu phải di dời	Giai đoạn 2021 - 2025	Giai đoạn 2026 - 2030
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1						
2						
...						
Tổng cộng						

....., ngày tháng năm 2021

Người tổng hợp báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(*) Bao gồm các hộ gia đình có nhà ở ven sông, kênh rạch cần di dời nhà ở
(6),(7) dự báo số hộ gia đình có nhu cầu hỗ trợ nhà ở của từng giai đoạn, không tính lũy kế nhu cầu hiện tại và nhu cầu của giai đoạn trước

UBND QUẬN/HUYỆN

Biểu số 06.

TỔNG HỢP NHU CẦU NHÀ Ở XÃ HỘI VÀ KHẢ NĂNG CHI TRẢ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC (CB, CV, VC) TRỰC THUỘC ĐƠN VỊ

(Đính kèm Công văn số ...2927../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

Stt	Số lượng CB, CC, VC của đơn vị (*) (người)	Số lượng CB, CC, VC đủ điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở xã hội (**)						
		Tổng cộng (người)	Số lượng CB, CC, VC có nhu cầu mua nhà ở xã hội (người)	Khả năng chi trả hàng tháng cho nhà ở của CB, CC, VC đủ điều kiện và có nhu cầu mua nhà ở xã hội (***)				
				Dưới 3 triệu đồng	Từ 3 đến 5 triệu đồng	Từ 5 đến 7 triệu đồng	Từ 7 đến 9 triệu đồng	Trên 9 triệu đồng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

(*) Cán bộ, công chức, viên chức (CB, CC, VC) theo quy định của pháp luật; bao gồm cả các đơn vị trực thuộc của đơn vị.

(**) *Điều kiện được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở xã hội* bao gồm: Đối tượng cán bộ, công chức ,viên chức có thu nhập thấp (không phải đóng thuế thu nhập cá nhân) và có khó khăn về nhà ở (chưa có nhà ở, đang phải đi thuê nhà, mượn nhà hay ở nhờ nhà của người khác hoặc có nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình nhưng nhà ở chật chội, diện tích bình quân của hộ gia đình dưới 10m2/sàn/người,…). Chi tiết được quy định tại Điều 51 của Luật nhà ở 2014.

(***) *Khả năng chi trả hàng tháng cho nhà ở* là số tiền của CB, CC, VC sẵn sàng chi trả cho việc tích lũy (tiết kiệm) hoặc các chi phí liên quan đến nhà ở mua nhà hoặc thuê nhà ở hàng tháng, không bao gồm khả năng huy động như vay, mượn, cầm cố, thế chấp, …

Hướng dẫn điền thông tin:

Tổ chức thực hiện: Sở Xây dựng có có 14 đơn vị phòng, và 2 trung tâm. Sở Xây dựng sẽ gửi biểu tổng hợp cho 14 phòng và 2 trung tâm để tổng hợp nhu cầu nhà ở. Mỗi phòng ban sẽ hỏi ý kiến các CB, CC, VC thuộc phòng để tổng hợp rồi gửi về Văn phòng Sở. Văn phòng tiến hành tổng hợp toàn bộ báo cáo của các phòng và Tổng cộng số liệu để hoàn tất báo cáo.

Ví dụ điền số liệu: Ví dụ phòng A thuộc Sở có 10 thành viên

- Trong 10 thành viên của phòng chỉ có 6 thành viên đủ điều kiện hưởng chính sách về nhà ở xã hội. Cột số (3) sẽ điền 6 người;
- Trong 6 thành viên đủ điều kiện mua nhà ở xã hội, chỉ có 5 người muốn mua nhà ở xã hội, cột số (4) điền 5 người;
- Cột (5), (6), (7), (8), (9) chỉ dành cho các CB, CC, VC muốn mua nhà. Như vậy chỉ hỏi khả năng chi trả đối với 5 thành viên muốn mua NOXH của Phòng A;
- Trong 5 thành viên muốn mua NOXH, có 1 thành viên chi trả được trên 9 triệu đồng, 3 thành viên chi trả từ 5 – 7 tỷ đồng, 1 thành viên chi trả dưới 3 triệu đồng. Như vậy cột số (5) điền 1 người, cột (7) điền 3 người, cột (9) điền 1 người.

Phụ lục 3: MẪU BÁO CÁO VỀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN PHỤC VỤ CÔNG TÁC LẬP CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÀ

(Đính kèm Công văn số ...2927.../SXD-PTN&TTBĐS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Sở Xây dựng)

ỦY BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND	*..., ngày tháng năm*

BÁO CÁO

Về thực trạng nhà ở trên địa bàn phục vụ công tác lập Chương trình phát triển nhà ở ....

Trên cơ sở văn bản số ....., ngày ... tháng ... năm 2021 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc gửi báo cáo và cung cấp bổ sung tài liệu để lập chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030; UBND quận/huyện/thành phố ..... báo cáo thực trạng nhà ở trên địa bàn như sau:

I. Điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội

- Nêu rõ vị trí địa lý, khí hậu, địa hình, dân cư, mật độ, ... các điều kiện đặc thù ảnh hưởng tới quản lý và phát triển nhà ở;

- Khái quát về dân số, quy mô dân số, quy mô hộ, đặc điểm dân số, động lực thu hút dân cư về địa phương (tỷ lệ sinh tự nhiên, cơ học; cơ cấu dân số, ...)

...

II. Hiện trạng về nhà ở

1. Khái quát về hiện trạng nhà ở

- Số lượng, chất lượng nhà ở (tổng số nhà, trong đó bao nhiêu kiên cố, bán kiên cố, thiếu kiên cố, đơn sơ, ...

- Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở trên địa bàn, trong đó nêu rõ diện tích sàn chung cư và diện tích sàn nhà ở riêng lẻ;

- Diện tích bình quân nhà ở (toàn quận/huyện, khu vực đô thị, khu vực nông thôn) tương ứng với quy mô dân số ở phần I.

2. Đặc thù về quy hoạch nhà ở

Quy hoạch nhà ở khu vực đô thị và khu vực nông thôn:

- Công tác lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch xây dựng phát triển nhà ở (các đồ án Quy hoạch xây dựng vùng; Quy hoạch đô thị; Quy hoạch khu chức năng đặc thù; Quy hoạch nông thôn);

- Công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan, đất đai, kết cấu hạ tầng đô thị, môi trường và các dự án phát triển nhà ở.

3. Hiện trạng phát triển nhà ở theo các hình thức

- Nhà ở dân tự xây: Tốc độ phát triển trong 5 năm trở lại đây

- Nhà ở thương mại: Số lượng dự án, quy mô, vị trí, khả năng cung ứng diện tích sàn;

- Nhà ở xã hội: Số lượng dự án, quy mô, vị trí, khả năng cung ứng diện tích sàn;

- Nhà ở tái định cư: Số lượng dự án, quy mô, vị trí, khả năng cung ứng diện tích sàn.

- Các dự án đấu giá đất để xây dựng nhà ở: Số lượng lô đất, quy mô, vị trí, tỷ lệ xây dựng thực tế tại các dự án.

4. Công tác phát triển nhà ở theo các Chương trình mục tiêu

- Tổng kết các kế hoạch, việc triển khai các đề án, nghị quyết HĐND, chương trình nông thôn mới,... về vấn đề phát triển nhà ở;

- Phát triển nhà ở cho các nhóm đối tượng chính sách xã hội (nhà ở cho người có công, hộ nghèo, nhà ở công nhân, ký túc xã học sinh – sinh viên, nhà ở công vụ, ... nếu có)

5. Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

- Nêu hiện trạng về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- ...

6. Hiện trạng quỹ đất ở tại địa phương

- Đánh giá quỹ đất ở hiện tại của địa phương (thừa, thiếu? đã có quy hoạch quỹ đất ở mới theo từng loại dự án chưa?...)

III. Các khó khăn vướng mắc, kiến nghị đề xuất (nếu có)

1. Các khó khăn vướng mắc

- Nêu các khó khăn vướng mắc trong công tác phát triển nhà của địa phương (ví dụ: công tác đền bù GPMB còn chậm, kinh phí triển khai thấp, ...)

- Nguyên nhân

- ...

2. Các kiến nghị đề xuất

- ...

IV. Định hướng và chỉ tiêu phát triển nhà ở đến năm 2030 của địa phương

1. Định hướng phát triển nhà ở

2. Chỉ tiêu phát triển nhà ở

- Quy mô dân số dự kiến vào năm 2030;

- Tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở trên địa bàn, trong đó nêu rõ diện tích sàn chung cư và diện tích sàn nhà ở riêng lẻ;

- Diện tích nhà ở bình quân đầu người vào năm 2030.

Trên đây là báo cáo của UBND quận/huyện ……./.

(Đính kèm các biểu mẫu số liệu báo cáo; Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện ……, các tài liệu liên quan khác).

Nơi nhận: **CHỦ TỊCH**